

TỪ CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG NĂM 1930 ĐẾN NHẬN THỨC HIỆN NAY VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC
*Nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Ngày nhận:

4-12-2024

Ngày thẩm định, đánh giá:

20-1-2025

Ngày duyệt đăng:

3-2-2025

Tóm tắt: Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chủ trì, đã thông qua Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, xác định mục tiêu, con đường đấu tranh là đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập để đi tới xã hội cộng sản. Đó là sự lựa chọn duy nhất đúng, hợp quy luật phát triển của lịch sử, đưa đến thắng lợi như ngày nay. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển sáng tỏ, đưa đất nước vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa:

*Cương lĩnh của Đảng;
Chủ nghĩa xã hội; con
đường đi lên chủ nghĩa
xã hội*

Mùa Xuân Canh Ngọ 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hồng Kông (Trung Quốc). Tham gia Hội nghị có đại biểu của *Đông Dương Cộng sản Đảng* là đồng chí Trịnh Đình Cửu và đồng chí Nguyễn Đức Cảnh; đại biểu của *An Nam Cộng sản Đảng* là đồng chí Châu Văn Liêm và đồng chí Nguyễn Thiệu. Tổ chức *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* vừa mới thành lập, không có đại biểu dự Hội nghị hợp nhất.

Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến Hội nghị thành lập Đảng được Nguyễn Ái Quốc viết trong Báo cáo

gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930: “Nhận được chỉ thị của Quốc tế Cộng sản về công tác ở Đông Dương, tôi từ giã nước Đức vào tháng 6 và đến Xiêm vào tháng 7-1928. Tôi đã làm việc với một số người An Nam di cư ở đây tới tháng 11-1929”¹.

Khi đó ở Việt Nam, từ tổ chức cách mạng là Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ở Quảng Châu (Trung Quốc) đã ra đời các tổ chức cộng sản trong năm 1929. Nhu cầu thống nhất các tổ chức cộng sản đã đặt ra phải thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất. Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản nêu rõ: “Lập tức tôi đi Trung Quốc, tới đó vào ngày



Tọa đàm: “Nghiên cứu, học tập tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, tại tỉnh Bắc Giang, ngày 26-5-2022 (Ảnh: TTXVN)

23-12. Sau đó, tôi triệu tập các đại biểu của hai nhóm (Đông Dương và An Nam). Chúng tôi họp vào ngày mùng 6-1.

Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng.

Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản.

Các đại biểu phải tổ chức một Trung ương lâm thời gồm bảy uỷ viên chỉ nh thức và bảy uỷ viên dự khuyết. Các đại biểu trở về An Nam ngày 8-2”².

Nhờ uy tín chỉ nh trị và tư cách phái viên của Quốc tế Cộng sản, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử, thành lập

Đảng Cộng sản, Đảng cách mạng kiểu mới, đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam và Đông Dương. Cương lĩnh đầu tiên do Hội nghị thành lập Đảng đề ra đã xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”³. Để đi tới xã hội cộng sản trước hết phải *Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập*. Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, chủ nghĩa cộng sản là sự lựa chọn đúng đắn phù hợp với thực tiễn Việt Nam, trở thành quy luật tất yếu của sự phát triển cách mạng Việt Nam từ đó đến nay.

Sau Hội nghị thành lập Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng lâm thời được thành lập. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương họp

ở Hồng Kông (Trung Quốc) từ ngày 12 đến ngày 27-10-1930. Hội nghị thông qua Luận cương chỉ nh trị và các nghị quyết quan trọng khác. Luận cương của Đảng cũng xác định rõ cách mạng Đông Dương phải tiến hành *cách mạng tư sản dân quyền* đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp và chế độ phong kiến làm cách mạng thổ địa để Đông Dương được hoàn toàn độc lập. Chống đế quốc và chống phong kiến có quan hệ mật thiết với nhau. Và cách mạng có thể “bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”⁴. Con đường đi lên CNXH ở Việt Nam và Đông Dương đã được xác định rõ. Do tí nh chất cách mạng của 3 nước Đông Dương có cùng mục tiêu chống kẻ thù chung và do chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, *Đảng Cộng sản Việt Nam* được đổi tên là *Đảng Cộng sản Đông Dương*, lãnh đạo cách mạng toàn xứ Đông Dương. Hội nghị cử Ban Chấp hành Trung ương chỉ nh thức gồm 7 đồng chí, đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, giành độc lập dân tộc, chỉ nh quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Cách mạng mới thành công, thực dân Pháp đã quay lại xâm lược Việt Nam với sự kiện đánh chiếm Nam Bộ, ngày 23-9-1945. Cách mạng Việt Nam tiếp tục sự nghiệp giải phóng dân tộc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Nhiệm vụ tiến lên xây dựng CNXH chưa được đặt ra trực tiếp.

Tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương họp Đại hội II tại Tuyên Quang (Việt Nam). Trước sự phát triển mạnh mẽ của sự nghiệp kháng chiến của 3 nước Đông Dương, Đảng chủ trương xây dựng ở mỗi nước một Đảng cách mạng riêng. Ở Việt Nam đó là *Đảng Lao động Việt Nam*. *Luận cương cách mạng Việt Nam* tại

Đại hội II do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày đã nêu rõ nội dung *hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội*, “thực hiện một nước Việt Nam *độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường* và tiến tới chủ nghĩa xã hội”⁵.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954), Hiệp định Genève được ký kết (21-7-1954), miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, tiến lên CNXH. Đại hội III (9-1960) của Đảng đã đề ra đường lối cách mạng XHCN ở miền Bắc và đường lối chống Mỹ cứu nước để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, do điểm xuất phát của Việt Nam ở trình độ rất thấp, lại trải qua chiến tranh, nên phải tiến dần từng bước lên CNXH, không thể làm nhanh được, không thể làm như các nước khác. Năm 1956, Hồ Chí Minh đã cho rằng: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh”⁶.

Đường lối cách mạng XHCN do Đại hội III của Đảng đề ra phản ánh nhận thức của Đảng về CNXH và được chỉ đạo thực hiện trên thực tế. Đảng xác định chuyển nhà nước dân chủ nhân dân sang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chỉ nh vô sản với 2 chức năng: tổ chức xây dựng chế độ xã hội mới và trấn áp phản động, bảo vệ Tổ quốc. Xóa bỏ chế độ người bóc lột người, mọi áp bức, bất công, thực hiện công bằng xã hội vì ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất; cách mạng khoa học, kỹ thuật; cách mạng tư tưởng, văn hóa trong đó cách mạng khoa học, kỹ thuật là then chốt. Xây dựng nền kinh tế XHCN với vai trò của kinh tế quốc doanh (nhà nước) và kinh tế tập thể (hợp tác xã); kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân; coi công nghiệp hóa XHCN là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH. Phát triển nền giáo dục, nền văn hóa mới và con

người mới XHCN với ý thức tập thể và tinh thần làm chủ. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản và chính sách ngoại giao hòa bình, hữu nghị.

Chế độ XHCN ở miền Bắc đã tỏ rõ sức mạnh và tính ưu việt, bảo đảm hoàn thành trách nhiệm của hậu phương lớn với tiền tuyến lớn miền Nam trong cuộc chống Mỹ, cứu nước giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngày 30-4-1975, miền Nam hoàn toàn được giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH trên cả nước. Trên cơ sở nhận thức về CNXH đã được thể nghiệm ở miền Bắc, Đảng chủ trương đẩy nhanh quá trình xây dựng với mục tiêu trong vài ba kế hoạch 5 năm có thể kết thúc thời kỳ quá độ, hoàn thành xây dựng CNXH về căn bản. Trên thực tế xây dựng CNXH của cả nước gặp rất nhiều khó khăn do hậu quả nặng nề của hơn 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; và cả cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc ác liệt ở biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc; bao vây cấm vận, phá hoại từ nước ngoài, các nước XHCN gặp khó khăn, trì trệ cần phải cải cách, cải tổ, mở cửa. Đảng thấy rõ những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý, chậm đổi mới, duy trì quá lâu cơ chế hành chính, quan liêu, bao cấp và bệnh nóng vội, chủ quan, duy ý chí dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đảng đã kịp thời đổi mới tư duy, nhận thức rõ hơn về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH để từ đó sửa đổi cơ chế chính sách, tạo ra động lực cho sự phát triển. Quá trình đó bắt đầu từ NQTƯ 6 (8-1979) khóa IV khuyến khích các thành phần kinh tế, sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất, xóa bỏ các biện pháp hành chính, làm cho sản xuất bung ra; thực hiện cơ chế khoán sản phẩm (Chỉ thị 100 của Ban Bí thư ngày 13-1-1981

và Quyết định 25 CP, 26 CP ngày 21-1-1981); nội dung của *chặng đường đầu tiên* (Đại hội V tháng 3-1982 của Đảng); xóa bỏ cơ chế hành chính, quan liêu, bao cấp (NQTƯ 8 tháng 6-1985 khóa V) và Kết luận của Bộ Chính trị tháng 8-1986. Đó là quá trình đổi mới từng phần, phát triển nhận thức về CNXH và phương pháp, bước đi tiến tới CNXH.

Đại hội VI (1986) của Đảng quyết định đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đó là kết quả đổi mới tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn, nắm vững bài học lấy dân làm gốc, xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan. Làm rõ những đặc trưng của thời kỳ quá độ và vai trò của các thành phần kinh tế, của cơ chế thị trường, của lợi ích kinh tế của người lao động, tạo động lực mới cho sự phát triển. Đường lối đổi mới của Đại hội VI của Đảng là sự phát triển nhận thức và thực tiễn về CNXH và quá độ lên CNXH phù hợp với một nước nông nghiệp còn kém phát triển như Việt Nam. Cơ chế, chính sách mới của Đại hội và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, hội nghị Bộ Chính trị, của Nhà nước đã đi vào cuộc sống và được nhân dân ủng hộ. Đổi mới khởi sắc về kinh tế, nhất là nông nghiệp, năm 1989, Việt Nam đã xuất khẩu 1,2 triệu tấn lương thực. Trong khi đó, cải tổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu mắc sai lầm, khủng hoảng trầm trọng dẫn đến sụp đổ chế độ XHCN. Đảng Cộng sản Việt Nam tỏ rõ bản lĩnh chính trị, trung thành và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, kiên định con đường CNXH, đổi mới nhưng không đổi hướng và không chệch hướng XHCN.

Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII (1991) của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua với 6 đặc trưng cơ bản của mô hình CNXH ở Việt Nam và 7 phương hướng lớn nhằm hiện thực hóa mục tiêu CNXH. Cương lĩnh và đường lối đổi mới

thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, trí tuệ, lý luận và trách nhiệm cao của Đảng đối với đất nước và nhân dân. Năm 1996, Việt Nam đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đạt được những thành tựu to lớn rất quan trọng cả về chính trị, kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ vững chắc chế độ XHCN. Một trong những thành tựu to lớn là sự phát triển lý luận, nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ngày càng rõ hơn về bản chất, mục tiêu, về hình thức, bước đi, giải pháp thích hợp.

Sự nghiệp đổi mới ngày càng phát triển, xây dựng CNXH có những khám phá mới, đất nước khởi sắc từng ngày và do đó nhận thức về CNXH của Việt Nam có thêm những điều mới mẻ. Đại hội XI của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*. Cương lĩnh nêu rõ 8 đặc trưng của CNXH Việt Nam (bổ sung 2 đặc trưng so với Cương lĩnh 1991). Nội dung các đặc trưng có sự phát triển mới sáng rõ về lý luận và phù hợp với thực tiễn hơn. *“Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”*⁷.

Cương lĩnh đề ra 8 phương hướng cơ bản: Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Những phương hướng cơ bản đó vừa là nội dung vừa là điều kiện và cách thức để xây dựng CNXH, phát triển đất nước bền vững.

Hiện nay, Việt Nam đẩy mạnh đổi mới và xây dựng CNXH theo Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011 và Nghị quyết Đại hội XII, XIII của Đảng. Hành động mạnh mẽ trên cơ sở lý luận đúng đắn và phương pháp luận khoa học. Nắm vững các nguyên tắc trong nhận thức và hành động: Tuyệt đối trung thành và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với sự phát triển của đất nước và thời đại. Kiên định con đường XHCN, không ngừng đổi mới hình thức, bước đi, giải pháp để phát triển nhanh, bền vững, có hiệu quả. Đại hội XIII đặt ra mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Năm 2022, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng công bố tác phẩm quan trọng *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Đó là kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết và có bước phát triển mới trong nhận thức và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. *“Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát*

triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chỉ nh trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chỉ nh là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chỉ nh là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi”⁸.

Những mục tiêu cao cả và tốt đẹp đó chỉ nh là hình thái kinh tế - xã hội và phương thức sản xuất tiên bộ và tiến tiến. Trong điều kiện CNH, HĐH đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế và với ảnh hưởng sâu sắc, rộng lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo AI và chuyển đổi số, cần phải có nhận thức mới về quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong xây dựng CNXH, định hình một phương thức sản xuất mới. Tổng Bí thư Tô Lâm đã có bài viết quan trọng “Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”. Bài viết nhấn mạnh: “Chúng ta

đang đứng trước yêu cầu phải có một cuộc cách mạng với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển. Đó là cuộc cách mạng chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm tái cấu trúc quan hệ sản xuất phù hợp với sự tiến bộ vượt bậc của lực lượng sản xuất. *Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - “phương thức sản xuất số”, trong đó đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng; đồng thời quan hệ sản xuất cũng có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số”⁹. Đó thực sự là nhận thức mới về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, trong kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.*

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 12, 13, 1

4. *Sđđ*, H, 2002, T. 2, tr. 94

5. *Sđđ*, H, 2001, T. 12, tr. 110

6. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 10, tr. 390

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 70

8. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb CTQGST, H, 2022, tr. 21-22

9. Tô Lâm: “Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, *Báo Nhân Dân*, số 25134, ngày 2-9-2024.